

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Ông Bùi Tấn Dũng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2025, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, chị Phạm Thị H, trình bày: Năm 1999, chị và anh Nguyễn Văn T do gia đình 02 bên mai mối đã tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (cũ) vào năm 2005. Sau khi cưới vợ chồng sống riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi, mặc dù vẫn sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 07/7/2000, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 15/8/2008, chị yêu cầu được tiếp tục

nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định nhưng chị N1 vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của chị H là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Chị H và anh T không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp nên chấp nhận, vì anh T không có ý kiến về việc nuôi con. Về cấp dưỡng, chưa có yêu cầu cấp dưỡng, nên chưa xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị

H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị H đã nộp đủ tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H. Cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H.

2.1. Chị Phạm Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 15/8/2008.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000437 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**